



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11430/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4471.NT1
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 13/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, Tp.HCM** Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : **25.4471.NT1: Nước thải tại hồ ga sau hệ thống xử lý. Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1175785; Y = 421961.**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh
				25.4471.NT1	Điều kiện tiếp nhận nước thải của KCN Mỹ Xuân A2
1	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	32	150
2	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,84	5,5 – 9
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	18	50
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	49	150
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	KPH (LOD=5)	100
6	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,1
7	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,1
8	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,0003)	0,01
9	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,5
10	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	994,8	-
11	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,079	0,1
12	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	2
13	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	3
14	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,092	0,5
15	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)	-
16	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,744	1





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh
				25.4471.NT1	Điều kiện tiếp nhận nước thải của KCN Mỹ Xuân A2
17	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,71	5
18	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,003)	0,5
19	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)	10
20	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (LOD=0,02)	0,5
21	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	KPH (LOD=0,5)	10
22	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	18,1	40
23	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	KPH (LOD=0,01)	6
24	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	170	5.000
25	Crom III (Cr ³⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (LOD=0,003)	1

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
5. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
6. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11425/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4471.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 13/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM)
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, Tp.HCM** Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.4471.KT1: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải lò hơi
(Dòng khí thải số 1).**
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1176044; Y = 421982

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4471.KT1	Cột B Kp=0,8 và Kv=1
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	179	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.008,99	-
3	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	48,6	160
4	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	25,3	400
5	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	119,9	680
6	O ₂ ^(b)	%	QTKT.02/LAET	16,05	-
7	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	28,9	800
8	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA 02	28.858	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11426/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4471.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG Ngày lấy mẫu : 13/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM)
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, Tp.HCM Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.4471.KT2: Tại ống thoát khí thải của 02 hệ thống XLKT máy sấy bùn thải +
01 hệ thống XLKT khu nhà đề máy ép bùn và máy sấy bùn (đầu nối chung)
(Dòng khí thải số 42). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175851; Y = 421990

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4471.KT2	Cột B Kp=0,8 và Kv=1
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	51	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.008,63	-
3	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	13,7	160
4	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA 02	14.086	-
5	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	5,87	40
6	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	1,13	6

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11427/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4471.KT3-4
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 13/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, Tp.HCM** Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.4471.KT3:** Tại ống thoát khí thải từ hệ thống thu gom bụi da của quá trình mài da 1 (Dòng khí thải số 44). Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1176008; Y= 421830
25.4471.KT4: Tại ống thoát khí thải từ hệ thống thu gom bụi da của quá trình mài da 2 (Dòng khí thải số 45). Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1176021; Y= 421859

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT Cột B Kp=0,8 và Kv=1
				25.4471.KT3	25.4471.KT4	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	36	35	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.008,94	1.008,41	-
3	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	14,5	16,2	160
4	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA 02	28.624	13.372	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11428/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4471.KT5-9
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG Ngày lấy mẫu : 13/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM)
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, Tp.HCM Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.4471.KT5:** Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 1 SPL 01 – A (Dòng khí thải số 02).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175834; Y = 421853.

25.4471.KT6: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 2 SPL 02 – A (Dòng khí thải số 03).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175817; Y = 421856

25.4471.KT7: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 3 SPL 03 – A (Dòng khí thải số 04).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175808; Y = 421858.

25.4471.KT8: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 4 SPL 04 – A (Dòng khí thải số 05).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175799; Y = 421856.

25.4471.KT9: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 5 SPL 05 – A (Dòng khí thải số 06).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175823; Y = 421830.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4471.KT5	25.4471.KT6	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,655	KPH (LOD=0,25)	-	950
3	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4471.KT7	25.4471.KT8	25.4471.KT9	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4471.KT7	25.4471.KT8	25.4471.KT9	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
3	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
3. QCVN 20:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
6. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
7. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
8. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Chiam đốc



TS. Nguyễn Như Hiển





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11429/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4471.KT10-12
---------------------------	---	---------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 13/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM)
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, Tp.HCM** Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.4471.KT10:** Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 1 SPM – 1 (Dòng khí thải số 23).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175911; Y = 421791.

25.4471.KT11: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 2 SPM – 2 (Dòng khí thải số 24).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175914; Y = 421789.

25.4471.KT12: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 3 SPM – 3 (Dòng khí thải số 25).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175920; Y = 421788.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4471.KT10	25.4471.KT11	25.4471.KT12	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,606	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950
3	n- Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiễn



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11463/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4498.KT1-4
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

Ngày lấy mẫu : 14/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM)
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, Tp.HCM

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.4498.KT1:** Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tay nhỏ số 1 & 2 SPS-1 (Dòng khí thải số 35).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175898; Y = 421798
25.4498.KT2: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tay nhỏ số 3 & 4 SPS-2 (Dòng khí thải số 36).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175903; Y = 421797
25.4498.KT3: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tay nhỏ số 5 & 6 SPS-3 (Dòng khí thải số 37).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175890; Y = 421773
25.4498.KT4: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tay nhỏ số 7 & 8 SPS-4 (Dòng khí thải số 38).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175887; Y = 421775

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4498.KT1	25.4498.KT2	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950
3	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4498.KT3	25.4498.KT4	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4498.KT3	25.4498.KT4	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
3	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
3. QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
6. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
7. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
8. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiện





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

SỐ PKQ: 11464/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4498.KT5-11
---------------------------	---	--------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

Ngày lấy mẫu : 14/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM)
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, Tp.HCM

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.4498.KT5:** Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 6 SPL 06 – A (Dòng khí thải số 07).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175840; Y = 421823

25.4498.KT6: "Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 7 SPL 07 – A (Dòng khí thải số 08).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175806; Y = 421824"

25.4498.KT7: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 8 SPL 08 – A (Dòng khí thải số 09).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175802; Y = 421824

25.4498.KT8: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 9 SPL 09 – A (Dòng khí thải số 10).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175770; Y = 421824

25.4498.KT9: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 10 SPL 10 – A (Dòng khí thải số 11).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175906; Y = 421794

25.4498.KT10: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 11 SPL 11 – A (Dòng khí thải số 12).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175914; Y = 421798

25.4498.KT11: "Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 12 SPL 12 – A (Dòng khí thải số 13).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175910; Y = 421845"



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4498.KT5	25.4498.KT6	25.4498.KT7	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950
3	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4498.KT8	25.4498.KT9	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950
3	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4498.KT10	25.4498.KT11	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	0,528	-	950
3	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
3. QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
6. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
7. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
8. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11465/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4522.KT1-7
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG Ngày lấy mẫu : 15/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM)
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, Tp.HCM Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.4522.KT1:** "Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 13 SPL 13-A (Dòng khí thải số 14).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175908; Y = 421854"

25.4522.KT2: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 14 SPL 14-A (Dòng khí thải số 15).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175928; Y = 421853

25.4522.KT3: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 17 SPL 17-A (Dòng khí thải số 18).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175897; Y = 421911

25.4522.KT4: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 18 SPL 18-A (Dòng khí thải số 19).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175904; Y = 421922

25.4522.KT5: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 19 SPL 19-A (Dòng khí thải số 20).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175857; Y = 421921

25.4522.KT6: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 20 SPL 20-A (Dòng khí thải số 21).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175880; Y = 421925

25.4522.KT7: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 21 SPL 21-A (Dòng khí thải số 22).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175874; Y = 421924

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4522.KT1	25.4522.KT2	25.4522.KT3	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	0,62	KPH (LOD=0,25)	-	950
3	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4522.KT4	25.4522.KT5	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950
3	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4522.KT6	25.4522.KT7	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950
3	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11466/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4522.KT8-11
---------------------------	---	--------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

Ngày lấy mẫu : 15/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM)
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, Tp.HCM

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.4522.KT8: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 4 SPM – 4 (Dòng khí thải số 26).

Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175924; Y = 421784

25.4522.KT9: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 5 SPM – 5. (Dòng khí thải số 27).

Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175928; Y = 421784

25.4522.KT10: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 6 SPM – 6 (Dòng khí thải số 28).

Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175910; Y = 421764

25.4522.KT11: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 7 SPM – 7 (Dòng khí thải số 29).

Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175907; Y = 421766.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4522.KT8	25.4522.KT9	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,606	KPH (LOD=0,25)	-	950
3	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4522.KT10	25.4522.KT11	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,503	KPH (LOD=0,25)	-	950



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4522.KT10	25.4522.KT11	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
3	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
3. QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
6. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
7. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
8. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiên





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11467/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4522.KT12
---------------------------	---	------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG Ngày lấy mẫu : 15/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM)
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, Tp.HCM Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.4522.KT12: Ống thoát khí thải sau xử lý của 02 hệ thống XLKT máy sấy mùn da +
01 hệ thống XLKT nhà để máy sấy mùn (Dòng khí thải số 41).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175920; Y = 422109

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4522.KT12	Cột B Kp=0,8 và Kv=1
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	5,83	40
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	29	-
3	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.009,74	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	10,4	160
5	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	1,29	6
6	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA 02	18.349	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11468/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4522.KT13
---------------------------	---	------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG Ngày lấy mẫu : 15/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM)
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, Tp.HCM Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.4522.KT13: Ống thoát khí thải từ hệ thống XLKT bể điều hòa (Dòng khí thải số 43).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175824; Y = 421978

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4522.KT13	Cột B Kp=0,8 và Kv=1
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	10,86	40
2	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	3,41	6
3	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA 02	6.134	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11472/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4543.KT1-5
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG Ngày lấy mẫu : 17/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM)
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, Tp.HCM Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.4543.KT1: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 8 SPM -8 (Dòng khí thải số 30).

Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175903; Y = 421768

25.4543.KT2: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 9 SPM -9 (Dòng khí thải số 31).

Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175899; Y = 421770

25.4543.KT3: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 10 SPM -10 (Dòng khí thải số 32).

Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175915; Y = 421762

25.4543.KT4: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 11 SPM -11 (Dòng khí thải số 33).

Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175896; Y = 421924

25.4543.KT5: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 12 SPM -12 (Dòng khí thải số 34).

Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175882; Y = 421927

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4543.KT1	25.4543.KT2	25.4543.KT3	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980
3	n-Butyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	0,633	KPH (LOD=0,25)	-	950

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4543.KT4	25.4543.KT5	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4543.KT4	25.4543.KT5	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
2	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950
3	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
3. QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
6. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
7. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
8. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11473/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4543.KT6-7
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

Ngày lấy mẫu : 17/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM)
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, Tp.HCM

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.4543.KT6: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay nhỏ số 9&10 SPS-5 (Dòng khí thải số 39).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175832; Y = 421791

25.4543.KT7: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay nhỏ số 11&12 SPS-6 (Dòng khí thải số 40).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175885; Y = 421917

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4543.KT6	25.4543.KT7	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950
3	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	0,673	-	980

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11474/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4543.KT8-9
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 17/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM)
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, Tp.HCM** Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.4543.KT8:** Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 15 SPL 15-A (Dòng khí thải số 16).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175930; Y = 421863

25.4543.KT9: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 16 SPL 16-A (Dòng khí thải số 17).
Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1175872; Y = 421921

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.4543.KT8	25.4543.KT9	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950
3	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền